

Vấn đề dân tộc và đại chúng trong báo chí Phật giáo Việt Nam trước năm 1945

ISSN: 2734-9195

16:38 19/06/2023

Báo chí Phật giáo lúc bấy giờ đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu, học hỏi Phật pháp cho mọi tầng lớp độc giả và đóng góp công sức không nhỏ cho con đường hoàng dương chánh pháp đầu thế kỷ XX.

Tác giả: **SC Thích Nữ Chúc Hiếu***

PHẬT GIÁO VỚI VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Bản chất triết lý trong giáo lý của Đạo Phật mang tính nhập thế rất cao, thông qua học thuyết tùy duyên. Nhờ tinh thần dung thông, Đạo Phật đã sử dụng các dữ liệu tích cực của văn hóa dân gian để góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc. Có lẽ vì thế mà tư tưởng triết lý của nhà Phật từ lâu đã trở thành một phần trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Tinh thần từ bi, yêu chuộng hòa bình, tôn trọng sự sống và hiếu sinh của Phật giáo đã ảnh hưởng một cách sâu sắc trong tâm hồn người dân Việt Nam.

Trong các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, đặc biệt là Lý - Trần, tinh thần nhập thế của Đạo Phật đã thúc đẩy các vị cao Tăng Phật giáo đứng ra đảm trách vai trò cố vấn cho vận mệnh quốc gia, tham gia triều chính, vì họ nhìn thấy được sự cần thiết phải tham chính. Các triều đại về sau, Phật giáo dù không phải là hệ tư tưởng chủ đạo của triều đình nhưng vẫn là một dòng chảy tư tưởng lớn trong lòng dân tộc, là yếu tố an dân và củng cố cộng đồng. Đến thời Pháp thuộc, dù Phật giáo bị chế độ thực dân kìm hãm nhưng Tăng Ni, Phật tử đã vận dụng tích cực giáo lý nhà Phật vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đến đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh tình hình nước ta có những biến đổi sâu sắc, thì những giá trị tích cực của Đạo Phật lại một lần nữa được kiểm chứng và thể hiện, đặc biệt là tinh thần nhập thế của Phật giáo.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Bao Chi Phat Giao Van De Dan Toc 1

Một trong những hoạt động nhập thế tiêu biểu của Phật giáo trong giai đoạn này là báo chí Phật giáo, đó là công cụ sắc bén để đấu tranh vì nền hòa bình, độc lập của dân tộc. Trên Đuốc tuệ số 127, ra ngày 1/3/1940, Dương Bá Trạc đã cho thấy rất rõ sự hiện hữu đầy ý nghĩa của Phật giáo giữa lòng dân tộc qua bài viết *Mấy điều cốt yếu trong Đạo Phật*. Ông khẳng định Phật pháp tuy có nhiều đường hướng, song mục đích cũng đều dạy người làm điều thiện. Đạo Phật là đạo rất yêu đời, như Đức Phật Thích Ca, Ngài chỉ vì lòng thương xót muôn loài mà hy sinh thân mình, hy sinh ngôi báu và tất cả vinh hoa phú quý để ra đi xuất gia, tìm cầu đạo vô thượng cứu độ cho đời. Đạo Phật là đạo dạy người ta biết tìm cái vui chân chính. Ở đời, ai cũng cầu vui, mà Đạo Phật dạy con người trước hết phải tìm nguyên nhân sự khổ, người đời thấy vậy vội cho Đạo Phật là chán đời. Nhưng không phải thế, vì con người có biết nguồn gốc sự khổ, có dứt được khổ thì mới tìm được cái vui chân chính. Đạo Phật là đạo tinh tiến, dũng mãnh. Nhiều người thấy Đạo Phật dạy người ta từ bi, nhẫn nhục, vội tưởng Đạo Phật là nhu nhược, không thích hợp với cuộc đời cạnh tranh này. Nhưng thật ra, Đạo Phật rất tinh tiến và dũng mãnh. Phật biết rằng lòng biếng là căn bệnh thường xảy ra của con người, lòng biếng sinh ra yếu hèn, nên Ngài luôn dạy muôn người phải lấy đức tinh tiến, dũng mãnh để hành xử mọi việc. Cho nên nói, Đạo Phật vẫn là từ bi, nhẫn nhục nhưng khi cần đến đức dũng mãnh thì lực lượng mạnh mẽ không gì ngăn cản được. Bài viết vừa khơi dậy những giá trị đạo đức của Phật giáo, vừa như lời nhắc nhở, khuyên nhủ con người sống phải tinh tiến, dũng mãnh; phải biết lấy lòng từ bi, nhẫn nhục để đối nhân xử thế.

Điều đáng chú ý trên Tạp chí Duy tâm Phật học là ở số 42 năm 1941, chỉ với tác phẩm *Muốn biết Phật giáo có công với đời hay không cần phải soi gương dĩ vãng*, Huệ Quang đã cho tín đồ thấy rõ quá trình hội nhập và sự đóng góp tích cực của Phật giáo đối với dân tộc Việt Nam thời bấy giờ: *“Trải qua các đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Hán học được truyền sang nước ta là nhờ có Phật học, vì Phật giáo hồi bấy giờ rất thịnh, có nhiều vị Sư danh tiếng tinh thông Phật học lẫn Hán học, được quốc dân sùng kính và triều đình tôn chuộng như các cao Tăng: Vô Ngại, Phụng Định, Duy Giám, Đỗ Pháp Thuận, Ngô Chân Lưu...”*.

Đuốc tuệ số 59 cũng nhấn mạnh thêm tinh thần nhập thế của Phật giáo qua bài *Tinh thần nhân gian Phật giáo của Việt Nam xưa*: *“Xét từ đời Đinh cho đến đời Hậu Lê, thấy có ba vị đại tông sư ở ba thời đại đều đã từng chủ trương phát huy về tinh thần Đại thặng, là tinh thần cứu thế tích cực, tức ngày nay chúng ta gọi là chủ nghĩa “Nhân gian Phật giáo”. Ba vị đại tông sư ấy tức là Khuông Việt Thái sư ở đời Đinh Lê, Trần Thái Tông ở đời Trần và Hương Hải Thiền sư ở đời Hậu Lê”*. Hai bài viết trên Đuốc tuệ đó như là lời kêu gọi chân tình đối với tín đồ Phật tử, hun đúc tinh thần vì dân tộc cho tín đồ, mong những thế hệ sau biết noi theo những gương sáng đó mà thực hiện vai trò của mình đối với dân tộc.

Trên Đuốc tuệ số 23, ra ngày 19/5/1936, Sa môn Trí Hải đã thể hiện cụ thể tư tưởng vì dân tộc của mình qua bài Địa vị người học Phật. Trí Hải đã khuyên nhắc mỗi người, ai cũng đều có một địa vị riêng, nên phải làm hết bốn phận thì mới xứng đáng đứng trong địa vị của mình. Từ đó, tác giả trực tiếp chỉ rõ: *“Sứ mạng của người Phật tử là đem đạo pháp của Đức Phật ra truyền bá, giáo hóa cho muôn dân. Có như thế thì “trên mới hợp lòng của chư Phật, dưới mới có phần lợi ích cho chúng sinh vậy”.*

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Bao Chi Phat Giao Van De Dan Toc 5

Nếu trên Đuốc tuệ có nhiều tác giả không ngừng truyền bá tư tưởng vì dân tộc, muốn đem lại hòa bình, thịnh vượng cho đất nước thì đối với Tạp chí Viên âm cũng có nhiều người luôn thao thức mang sự an bình đến cho cả dân tộc Việt Nam. Trên Viên âm số 2, Tâm Bình đã thể hiện bài luận Thế gian thuyết, cho thấy sự cống hiến của Phật giáo đối với dân tộc là rất thiết thực và hữu hiệu. Đó cũng là lời tâm huyết, một lần nữa khẳng định lại sự gắn bó giữa Phật giáo với dân tộc: *“Đạo Phật truyền qua xứ ta, chùa tháp ngày càng nhiều, tín đồ ngày càng đông, cũng là nhờ giáo pháp không trái với phong tục nhân tâm mà tồn tại đã mấy mươi đời. Sự tín ngưỡng trong nhân gian nguồn gốc cũng đã sâu xa, chẳng phải đợi đến ngày nay, Đạo Phật xứ ta mới phát triển... Ảnh hưởng của Đạo Phật về tinh thần giáo dục xứ ta chẳng phải là ít”.*

Tiếp đó, trên Viên âm số 10 năm 1934, tác giả Mật Khế chỉ rõ trách nhiệm của người xuất gia đối với quê hương đất nước qua bài viết Bốn phận của người học Phật. Tác giả nhấn mạnh người xuất gia ngoài việc nhớ ơn và báo ơn cha mẹ, thầy tổ và nhân quần xã hội, còn phải biết báo đáp ơn Tổ quốc. Theo tác giả giải thích, nếu trong nước không được thái bình, không có trật tự, người mạnh chèn ép kẻ yếu, v.v... thì con người đâu có cơm ăn, nhà ở cũng khó mà yên ổn, bởi quá nhiều sự quấy nhiễu. Điều này phải nhờ có những cơ quan chính trị quan tâm bảo vệ thì mới mong được an vui. Hơn nữa, nếu không có cơ quan chính trị lo công việc quốc phòng bề ngoài để khỏi bị các nước khác xâm lấn, lo giữ gìn trật tự bề trong cho mọi người được an cư lạc nghiệp, thì làm sao tránh khỏi nạn cốt nhục chia lìa, cửa tan nhà nát. Từ đó Mật Khế nhấn mạnh người đệ tử Phật cần phải báo đáp công ơn của quốc gia dân tộc. Muốn báo đền ơn ấy, người đệ tử Phật chẳng những không làm những việc trái với sự an bình, với điều công ích của đất nước mà còn phải tận tâm làm tròn bốn phận quốc dân, giữ gìn trật tự theo địa vị của mình, để cả nước đều chung hưởng thái bình, hạnh phúc.

Nhằm cổ động tinh thần cho tín đồ Phật giáo, xuất gia cũng như tại gia thực hiện đúng với nghĩa vụ của mình là *“Phật giáo đồng hành cùng dân tộc”*, trong

lễ khai mạc Đại hội tại Phật học Tương Tế Sóc Trăng, ngày 13/7/1936, HT. Huệ Quang đã có bài thuyết giảng nói về nghĩa vụ của người tại gia và xuất gia cần phải thực hiện. Bài giảng này được đăng rất chi tiết trên Bồ đề Tạp chí số 2, ra tháng 9 năm 1936. Hòa thượng cho biết người xuất gia là một người tiêu biểu cho Phật pháp, nên phải có tinh thần dũng mãnh mà đánh đổ bao nhiêu dục vọng, là mằm mống thống khổ cho nhân loại. Nếu không phải là người có tinh thần cương quyết, giới hạnh trang nghiêm, hy sinh tất cả một đời, thì không thể làm tu sĩ. Hòa thượng còn nhấn mạnh đệ tử xuất gia của Phật không phải là kẻ trí tuệ tầm thường, không phải là người mê muội mà cũng không phải là kẻ trốn đời, chán đời tiêu cực. Còn tín đồ tại gia là người đã thọ tam quy ngũ giới, có kiến thức, có đạo tâm muốn hộ trì Phật pháp, vì thế cần phải giữ lòng chánh tín, tinh tấn trên con đường Đạo thì mới làm tròn nghĩa vụ chung vai “*gánh vác sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh*”.

Bản chất triết lý trong giáo lý của Đạo Phật mang tính nhập thế rất cao, thông qua học thuyết tùy duyên. Nhờ tinh thần dung thông, Đạo Phật đã sử dụng các dữ liệu tích cực của văn hóa dân gian để góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc.

Quả thật, cách nhìn nhận của HT. Huệ Quang rất tích cực và thể hiện đúng với tinh thần Phật giáo vì dân tộc. Bài giảng của Hòa thượng cũng cho thấy lúc bấy giờ, Phật giáo hướng về dân tộc không chỉ thể hiện qua những bài viết trên báo chí để khuyến hóa lòng dân mà còn trực tiếp khuyến hóa mọi người trong những lúc thuyết giáo. Bằng mọi phương tiện có thể, Phật giáo luôn vì lợi ích chung cho cả dân tộc mà cống hiến hết sức mình.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Bao Chi Phat Giao Van De Dan Toc 2

Tạp chí Tam bảo thì thường xuyên cho đăng những câu chuyện cao Tăng nước Việt, là những vị vừa có công với đất nước, vừa đạt được những thành tựu viên mãn trong quá trình tu tập hướng về đạo quả giải thoát. Cụ thể ở Tạp chí Tam bảo số 1, ra ngày 15/01/1937 có bài viết Lịch sử các vua triều nhà Trần xuất gia, đã lần lượt nêu rõ quá trình xây dựng đất nước và thành quả tu học theo chính pháp của Vua Thái Tôn, Vua Thánh Tôn, Vua Nhân Tôn... Chủ ý của Tạp chí Tam bảo với việc làm này là nhằm giúp cho tín đồ hiểu được sự đóng góp thiết thực đối với dân tộc của những vị vua, những bậc cao Tăng thời trước, qua đó có thể cổ xúy tinh thần vì dân tộc của người đệ tử Phật đương thời.

Như vậy, quá trình thể hiện tinh thần vì dân tộc của các Tạp chí trên cho chúng ta thấy chủ trương chính yếu của báo chí Phật giáo đối với dân tộc nửa đầu thế kỷ XX là hướng về giáo dục người đệ tử Phật phải biết thực hiện trọn vẹn bốn phận, nghĩa vụ của mình. Tức là giáo dục người học Phật nên noi gương tốt của

người đi trước, biết nhớ ơn đền ơn và phải luôn thao thức đem chính pháp làm lợi lạc cho muôn dân, giữ gìn nền hòa bình của dân tộc. Hơn thế nữa, với tinh thần vì dân tộc, Tạp chí Tiến hóa còn có tầm nhìn sâu rộng ra thế giới, chẳng những chỉ lo bảo vệ sự an nguy trong nước mà còn nghĩ ra cách giáo dục gián tiếp đối với kẻ đối địch bằng con đường văn hóa dịch thuật. Đó là trên Tiến hóa số 2, ra tháng 2 năm 1938 đã đưa ra ý kiến cần phải chuyển dịch những bài kinh tụng thành nhiều thứ tiếng, để cho kẻ đối địch đọc hiểu, biết được tội phước mà sống có nhân nghĩa, đạo đức hơn. Đây quả là sáng kiến hay và có tác dụng rất lớn trong phong trào giành lại hòa bình, độc lập cho quê hương đất nước Việt Nam. Có thể nói, Tiến hóa là Tạp chí tiêu biểu trong phong trào đấu tranh vì dân tộc. Những nội dung Phật học được truyền tải trên Tiến hóa đa phần thể hiện tinh thần vận động chính trị chống thực dân Pháp và lý tưởng vì cách mạng.

Tuy nhiên, nói đến Tạp chí Tiến hóa thì không thể không nhắc đến sư Thiện Chiếu, là người sáng lập Tạp chí này và là người tiên phong trong phong trào *“cởi áo cà sa, khoác chiến bào”* vì sự hòa bình của quê hương đất nước. Năm 1937, Hội Phật học Kiêm Tế được thành lập tại Rạch Giá, lấy chùa Sắc tứ Tam Bảo ở làng Vĩnh Thanh Vân làm trụ sở. Hoạt động của Hội có tiếng vang rộng lớn ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ và lan rộng cả đến Sài Gòn, nơi có trụ sở các Hội Phật học Nam Kỳ, Hội Phật học Lương Xuyền (ở Trà Vinh). Hội Phật học Kiêm Tế có cơ quan ngôn luận là Tạp chí Tiến hóa, do sư Thiện Chiếu tổ chức bài vở và điều hành nội bộ. Ngài thực hiện chương trình cải cách Phật giáo mạnh mẽ, táo bạo, đó là mong muốn giới Tăng sĩ phải dấn thân vào đời, làm việc thực tế độ sinh, cải tạo xã hội. Đây là vấn đề mới lạ mà đương thời ít người Phật tử nào nghĩ đến.

Những tác phẩm Tại sao tôi (Thiện Chiếu) hoàn tục và Tại sao tôi đã cảm ơn Đạo Phật của sư Thiện Chiếu đã khẳng định rõ lý do sư hoàn tục là không phải bất mãn với Phật giáo hay giáo lý của Đức Phật Thích Ca. Từ niềm tin chắc chắn đối với Phật giáo và quá trình tu tập, thể nghiệm giáo lý Phật giáo đã hun đúc cho Sư tinh thần vì dân tộc, giúp Sư hiểu được quan điểm từ bi, mong muốn giải phóng chúng sinh ra khỏi vòng hệ lụy của những tham lam, ích kỷ... của cuộc đời hiện tại là phải cải tạo xã hội theo con đường *“thế giới đại đồng”*. Việc Sư tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 tại Hóc Môn cũng đã chứng minh cho một thời điểm trong hành trình sống, hoạt động xã hội, chính trị, tôn giáo canh tân của mình. Sau đó, dù Sư bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo, nhưng sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, được trở về đất liền, Sư vẫn tiếp tục tham gia kháng chiến chống Pháp với cương vị một công dân yêu nước, một Phật tử vì dân tộc trước nạn ngoại xâm.

Vào những ngày cuối đời, sư Thiện Chiếu vẫn sống, vẫn làm việc với cách sống như một nhà Sư và những diễn biến tư tưởng cải tiến của Sư từ những năm 1920, 1930 ấy mãi không thay đổi. Sư Thiện Chiếu đã đem cái biết của mình từ Đạo Phật ra thực thi với đời từ lứa tuổi thanh niên và cho đến ngày lìa đời, sư đã chu toàn con đường học và tu Phật của mình. Sư Thiện Chiếu còn chứng minh cho mọi người biết sự cống hiến của Phật giáo đối với dân tộc qua những bài viết của mình. Ông nhấn mạnh: *“Vì họ là những người con của dân tộc Việt Nam, sống trên đất nước Việt Nam, không thể không đau xót trước cảnh đất nước bị chia cắt, bị xâm lăng, bị chiến tranh tàn phá. Họ không thể không tủi nhục và căm thù vì đồng bào và với phong trào yêu nước của đông đảo quần chúng nhân dân. Nhất là họ không thể đi chệch con đường tiến lên của dân tộc, con đường phát triển của xã hội loài người”* [1].

Điểm qua vài nét về tinh thần báo chí Phật giáo với dân tộc, cụ thể hơn là tìm hiểu về tư tưởng yêu nước của sư Thiện Chiếu, đến đây vấn đề được đặt ra là Phật giáo đã đóng góp gì cho dân tộc trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX và cho đến ngày nay qua hoạt động của báo chí?

Có thể nói, tính dân tộc mà báo chí Phật giáo trước 1945 thể hiện là:

– Hun đúc ý chí và lòng yêu nước của quần chúng nhân dân qua những hoạt động của phong trào Chấn hưng Phật giáo. Chính phong trào này đã trực tiếp kêu gọi quần chúng Phật tử giữ gìn truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc. Cụ thể trong hàng Tăng sĩ Phật giáo có rất nhiều người vẫn giữ nếp sống tu hành chân chính, nhưng đã tích cực tham gia kháng chiến chống quân xâm lược. Vì vậy có thể nói phong trào Chấn hưng Phật giáo là một phong trào phục hưng văn hóa dân tộc, một sự phục hưng dựa trên ý thức tự tôn dân tộc và với niềm tự hào về truyền thống yêu nước lâu đời.

– Khơi gợi lại những giá trị đạo đức của Phật giáo và dân tộc như lòng từ bi, tinh thần hiếu đạo, đức hy sinh...

– Khuyến dân chúng giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tích cực phát huy văn hóa chữ Quốc ngữ bằng các hoạt động phiên dịch kinh điển, mở rộng phong trào học Phật khắp nơi...

Nhìn chung, tìm hiểu về vấn đề Phật giáo với dân tộc qua báo chí Phật giáo trước 1945 cũng như qua tư tưởng, hành động thiết thực của sư Thiện Chiếu, đã giúp chúng ta thấy được mối liên hệ mật thiết giữa Phật giáo và dân tộc như nước hòa với sữa. Chính tinh thần vì muôn dân bền vững ấy mà Phật giáo vẫn đồng hành và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. Có thể mượn câu nói của sư Thiện Chiếu để diễn tả cho sự kiện cao đẹp này: *“Nếu là tinh hoa của Phật*

giáo thì nó sẽ tồn tại mãi mãi trong sức sống của dân tộc và cùng với sức sống đó tiến lên theo đà phát triển của nhân loại” [2].

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Bao Chi Phat Giao Van De Dan Toc 3

PHẬT GIÁO VỚI ĐẠI CHÚNG

Phật giáo du nhập vào Việt Nam ngay từ buổi đầu đã thích ứng với văn hóa bản địa, trải qua nhiều thế kỷ vẫn luôn hài hòa trong lòng dân tộc. Tuy nhiên, từ khi Pháp có mặt ở Việt Nam cùng với chủ nghĩa tư bản và văn hóa phương Tây đã gây ra những xáo trộn không nhỏ trong xã hội Việt Nam và điều đó ảnh hưởng rất lớn đối với Đạo Phật. Tầng lớp khá giả thì theo lối sinh hoạt thành thị, theo văn minh phương Tây với những phương tiện sinh hoạt mới và hiện đại. Cùng với những thay đổi trong lối sinh hoạt là các thay đổi về ý nghĩ và cảm xúc. Từ đó khiến nhiều giá trị bền vững của dân tộc cũng phần nào bị tha hóa, nhất là Phật giáo bị thực dân Pháp ra sức xóa bỏ trong tư tưởng người dân Việt Nam, thay vào đó chúng khiến người dân tin theo những hủ tục mê tín dị đoan.

Nhờ có phong trào Chấn hưng Phật giáo do giới Tăng sĩ đứng ra chủ trương mà báo chí Phật giáo có cơ hội ra đời và phát triển qua con đường truyền bá Phật học bằng chữ Quốc ngữ. Từ đó Phật học lan rộng khắp nơi, cả ba miền, dân chúng đều có cơ hội tìm hiểu Phật pháp. Cho nên, nói đến vấn đề Phật giáo với đại chúng hay đại chúng hóa Phật giáo trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX mà báo chí Phật giáo đã thể hiện thì rất phong phú. Lúc bấy giờ, vì có số đông quần chúng nhân dân đang sống đau khổ trước những lo nghĩ vật chất và sự áp bức của chính quyền thuộc địa Pháp, cho nên họ rất khao khát có được cuộc sống an vui. Đời sống của nhân dân luôn bị đe dọa không dứt bởi những làn sóng bất an và sợ hãi, vì vậy họ tìm đến Phật giáo, là nơi hy vọng có thể đem lại cho họ sự an bình trong tâm và ý nghĩa của cuộc sống. Đồng thời, cũng có không ít học giả tìm đến Phật giáo, mong tìm ra giải pháp đấu tranh vì độc lập, hòa bình của dân tộc.

Hiểu rõ tình hình quần chúng nhân dân lúc bấy giờ đa phần còn mê mờ chính pháp, đồng thời với mục đích tuyên truyền văn hóa, giáo dục đạo đức nên báo chí Phật giáo trước 1945 hầu như đều đi theo hướng truyền đạt những giáo lý căn bản, những triết lý Phật học phổ thông gần gũi với đời sống nhân dân mà không phải là truyền đạt những triết lý cao siêu, khó hiểu.

Trong Đuốc tuệ số 127, ra ngày 01/3/1940, Thiều Chửu đã diễn giải rất rõ lợi ích thiết thực của những người sống trong xã hội nhưng biết học Phật, biết ứng dụng Phật pháp vào cuộc sống. Bài viết mang tính triết lý thiết thực, gắn liền với đời sống nhân dân, mọi giới ai cũng có thể dễ dàng đọc hiểu và tiếp nhận

được. Trong bài viết, Thiều Chửu nhấn mạnh chương trình xây đắp cái nền nhân gian Phật giáo rất rõ ràng. Thiều Chửu chỉ rõ đối với sự tu dưỡng của từng người: Nhổ một cái lông thì cả mình đều chuyển động, thổi hơi lên trên không thì trên không hiện ra các làn sóng. Cho nên sự thiện ác của từng người có ảnh hưởng trực tiếp đến sự yên lành của gia đình, xã hội, nhà nước và cả cõi đời này. Từ đó, Thiều Chửu khuyên nhắc: *“Muốn cho gia đình được hưng thịnh, xã hội được yên vui, cõi đời được hòa bình, trước hết phải chú trọng đến sự tu dưỡng của từng người, phải trừ tính ác mà làm điều thiện”*.

Bài viết của Thiều Chửu còn cho ta thấy tinh thần *“Không làm các điều ác, nên làm các điều lành”* của Phật giáo đã thật sự ảnh hưởng sâu sắc trong tâm tư của quần chúng, nên họ mới biết khuyên nhủ người khác lấy pháp thiện của nhà Phật để giáo dục tự thân, xây dựng đời sống xã hội và ổn định cả quốc gia dân tộc. Lúc bấy giờ, vì sự mê tín dị đoan của quần chúng còn quá nhiều, nên các nhà Phật học đã ra sức truyền bá Phật pháp để cải hóa tư tưởng cho muôn dân. Trên Đuốc tuệ số 75, ra ngày 15/12/1937, Sa môn Trí Hải đã Bàn về sự đốt vàng mã. Ngài cũng chỉ rõ mục tiêu xóa bỏ mê tín của Phật giáo đã tác động đến cả những cơ quan chức năng trong xã hội lúc bấy giờ. Cụ thể ở Thái Bình, cụ Thượng Vi đã ra chỉ thị cấm đốt vàng mã, song vì dân chúng còn quá nhiều mê chấp, nên công việc cũng chưa đạt được kết quả mỹ mãn mà chỉ có hiệu quả riêng từng nơi. Từ đó, Ngài kêu gọi các chùa nên đem nguyên nhân sự đốt vàng mã và sự lợi hại giảng cho mọi người hiểu, khẳng định việc đó là vô ích, là đại hại. Kết hợp cả nhà chùa lẫn các nhà chính trị thì không bao lâu hủ tục đó sẽ tiêu diệt hết.

Để việc tuyên truyền, bài trừ mê tín dị đoan này có tác dụng cao, Ngài Trí Hải đã đưa ra dẫn chứng cụ thể trong kinh Phật nói: *“Ngay như trong kinh Dược Sư, là bộ kinh rất nhiều người tụng, ở trong đó có nói: “Thiên tiền hóa mã, sát lục chúng sinh, tế tự quỷ thần, đản tắng tội nghiệp, phản tổn thọ hỷ”. Nghĩa là đốt giấy tiền và các thứ vàng mã cùng là giết chúng sinh để tế báo quỷ thần, chỉ thêm tội nghiệp và chóng chết mà thôi, không có ích lợi chi cả”*. Tinh thần *“Đại chúng hóa Phật giáo”* còn được phổ cập riêng cho người phụ nữ. Có lẽ thân phận người phụ nữ lúc bấy giờ rất đáng thương, không được xem trọng nhiều, nên họ quyết sống vươn lên. Giáo lý Đạo Phật đã giúp họ thêm niềm tin và ý chí để xây dựng cuộc sống.

Trên Viên âm số 17, Diệu Phước đã mở ra cho giới phụ nữ một con đường đi thật tươi sáng và đầy nghị lực qua bài luận Phụ nữ với Phật pháp. Diệu Phước nhấn mạnh, Phật pháp rất thích hợp với khoa học thế giới ngày nay, cho nên chị em không phải ngần ngại gì mà không chịu thờ nền luân lý nhà Phật: *“Chị em hấp thụ được luân lý nhà Phật thì nơi gia đình, chị em là tấm gương chiếu sáng cho*

cả gia đình khác, còn nơi xã hội thì chị em là người ích quốc lợi dân, không phải là sâu mọt của xã hội”.

Viên âm số 13 năm 1935 có bài viết Phật pháp hiệp với đời còn chỉ cho chúng ta thấy không chỉ có chị em phụ nữ mới quan tâm đến Phật giáo mà cả những thanh thiếu niên cũng biết lĩnh hội. Với lứa tuổi thanh niên đầy nhiệt huyết, họ đã biết tìm đến Phật pháp để xây dựng, hun đúc cho lý tưởng cao đẹp của đời mình. Từ đó mà Viên âm đã quả quyết: *“Được như vậy thì anh em sẽ có cái vui của người thường làm lành, cái vui của người không sợ khổ và anh em sẽ rõ: duy có Đạo Phật là hiệp với đời, là có thể đem đến hạnh phúc đầy đủ cho hơn loại”.*

Sự phổ cập, hòa nhập giữa Phật giáo và đại chúng quả là mật thiết và đem đến kết quả thiết thực, bởi những ai theo Đạo Phật đều trở thành những con người tốt, thật sự sống có ý nghĩa và làm tròn bốn phận trách nhiệm với cá nhân, gia đình cũng như xã hội. Điều này, Tâm Nguyệt cũng là đại diện cho giới phụ nữ cất lên tiếng nói thật khẳng khái trên Tạp chí Viên âm số 25 năm 1937, với chủ đề Ảnh hưởng của Phật giáo trong gia đình. Tâm Nguyệt khẳng định người đã theo Đạo Phật, thể theo tâm tính của Phật thì lòng thương cũng mở rộng thêm, chẳng những thương cha mẹ chồng, chồng con mà còn thương đến anh em bà con bên chồng. Một người vợ đã quy y Phật thì sẽ tôn trọng đức tính nhẫn nhịn, từ mẫu làm dâu. Một người mẹ biết quy y Phật sẽ biết làm tròn trách nhiệm người mẹ. Trong nhà Phật thường dạy: *“Người theo Đạo Phật, khi nào cũng phải biết ơn, mà biết ơn nếu không tìm cách trả ơn cho xứng với sự yêu quý ấy, thì kiếp sau người thọ ơn mắc nợ và phải trả. Vậy cho nên khi hưởng phước, ta chớ nên buông lung, ích kỷ...”*.

Học được từ Đạo Phật tinh thần biết ơn đó, Tâm Nguyệt còn chỉ cho mọi người biết nhớ nghĩ đến cả tô tử trong nhà. Vì sao, vì Đạo Phật luôn xem trọng hai chữ bình đẳng, loài người khác nhau không phải do nơi địa vị sang hèn mà chủ yếu là do nơi tâm tính của mỗi người. Vấn đề quần chúng thể nhận tinh thần tri ân báo ân đó từ Đạo Phật, không chỉ có Tạp chí Viên âm đề cập đến mà cả Tạp chí Quan âm cũng dẫn chứng rất đầy đủ. Trên Quan âm số 10, Mật Khế khẳng định là người học Phật, tất nhiên phải noi theo gương Phật, làm những việc lành. Trong các việc lành, có một việc quan trọng là phải biết giữ tròn bốn phận, là báo đáp công ơn cha mẹ và công ơn mọi người trong xã hội. Khi ta muốn ăn đã có người làm ruộng, muốn mặc đã có người dệt vải may áo, muốn ở đã có người làm nhà... Vì thế cần phải nhớ công ơn muôn người trong xã hội mà gắng sức làm cho xã hội càng ngày càng thịnh vượng.

Quần chúng tiếp nhận và ứng dụng Phật pháp trong đời sống cá nhân, gia đình và xã hội là thế. Còn đối với đời sống kinh tế thì sao? Tạp chí Viên âm số 28 năm 1937 đã bàn về một chuyên mục riêng là Phật pháp đối với thương nghiệp. Viên âm nhấn mạnh người đi buôn bán hàng hóa phải làm tròn hai phận sự: Phận sự đối với mình và phận sự đối với người mua hàng. Tức là phải cân nhắc làm sao cho hai bên đều có lợi và biết tin cậy nhau, để tránh khỏi sự bóc lột, lường gạt, tranh đua. Hơn nữa, nếu người bán buôn còn biết phát tâm bố thí cúng dường, giúp duy trì nền đạo đức, thì lại càng quý biết bao. Vì những người đó đã hiểu thấu sự buôn may bán đắt là do phước báu đã tạo từ trước, nay gặp thời may, nên họ biết nghĩ đến người khác. Người đã giàu lòng từ thiện như thế thì trong thiên hạ, ai lại không hoan nghênh, yêu quý và đã yêu quý, tất nhiên mọi người sẽ sẵn sàng mua giúp hàng hóa. Mình thương người, người giúp mình, đó là tôn chỉ từ bi của Đạo Phật để thực hành trong chốn thương trường, nhằm diệt trừ những tệ nạn giả dối, lường gạt nhau vì mỗi lợi riêng tư.

Rồi Viên âm kết luận: *“Ai là bạn thương nghiệp, ai là đệ tử Phật trong thương trường, nên xét kỹ chỗ lợi toàn thể, lợi lâu dài mà thực hành Phật pháp trong nghề buôn của mình. Nếu đạo tâm của các người buôn mà chắc chắn rồi thì ai lại không tin, có tin nhau mới mong làm các sở to tát”*. Tín đồ lĩnh hội Phật pháp, ngoài việc ứng dụng những giá trị đúng đắn để xây dựng hạnh phúc gia đình và đời sống kinh tế, còn biết thiết lập mối quan hệ nhân nghĩa, đạo đức cao cả trong xã hội. Học giả Vân Đàm với bài viết Quốc dân ta cần phải nghiên cứu Phật học đăng trên Từ bi âm số 23, ra ngày 01/12/1932 cho thấy xưa nay *“Tín ngưỡng Phật giáo”* luôn lấy đạo đức làm nền giáo dục, dẫu có hủ tục di truyền đã lâu, nhưng tư tưởng thì vẫn in sâu vào trong đạo lý vô thượng. Phật pháp xưa nay vẫn lấy tôn chỉ từ bi, tế nhơn lợi vật, đủ tư cách để làm cho nhân loại đều phải khâm phục.

Tinh thần đạo đức mà quần chúng lĩnh hội được từ Phật giáo còn có sự hiểu kính. Từ Phật giáo, quần chúng đã biết ứng dụng đạo hiếu ngay trong cuộc sống hiện thực, như Tạp chí Duy tâm Phật học số 43 năm 1941 với bài viết Noi gương Đại hiếu của Khánh Anh đã chứng minh rõ điều này. Tác giả kể về nhà Trưởng giả Huyện hàm Trương Hoàng Lâu tại tỉnh Cần Thơ, noi gương bố thí của thân mẫu, đã tổ chức Đại trai đàn trong dịp lễ Vu lan Thắng hội, để cầu siêu cho phụ mẫu trong bảy đời, tỏ chút lòng hiếu kính trong muôn một. Xưa kia, thân mẫu của Trưởng giả lúc còn sinh tiền từng đem vàng bạc trùng tu chùa Tây An, núi Sam, tỉnh Châu Đốc. Ngày nay, Trưởng giả cảm đức sinh thành đã phát tâm cúng ruộng cho mười chùa, rước 30 vị Tăng đến làm chay cúng dường, thỉnh thầy về thuyết pháp sáu thời v.v.. Qua đó, Khánh Anh đã kết luận: *“Những công trình to tát, cuộc lễ long trọng như thế là bởi nhà Trưởng giả cảm đức sinh thành, nhớ công tác tạo. Thế cũng là ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước biết*

nơi nguồn mạch, chính Trưởng giả thuật chuyện: “Bà thân tôi thường nói: Má làm phước chùa Tây An là để lại cho con”.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Bao Chi Phat Giao Van De Dan Toc 4

Như vậy, báo chí Phật giáo đương thời đã cho thấy Đạo Phật đi vào lòng quần chúng không chỉ là để chuyển hóa cho cá nhân mỗi người mà còn chuyển hóa cả gia đình, cho đời sống kinh tế xã hội và cả đời sống đạo đức lễ nghĩa hàng ngày. Điều đó chứng minh được quần chúng đã tiếp nhận Phật giáo dưới mọi hình thức và ứng dụng trong mọi hoàn cảnh.

Có lẽ từ sự thể nhập sâu xa đó mà Võ Văn Cường mới thể hiện bài viết Tâm hồn dân tộc Việt Nam với Phật giáo đăng trên Viên âm số 48 năm 1942 để nói lên tất cả những kết quả tốt đẹp về Phật giáo trong lòng đại chúng. Ông cho rằng những người thường dân Việt Nam không tu tập, thể mà từ tiếng nói cho đến hành động, đều nhiễm những danh từ, những ý tưởng của Phật pháp một cách bất ngờ. Hễ một việc gì hơi quan trọng xảy đến trong đời, họ liền niệm: “*Mô Phật*”. Đời họ gặp cảnh khổ đau, sẽ tự nhủ một cách tự nhiên: “*Vì kiếp trước mình đã vụng tu*”. Những công việc của đời hiện tại chưa thành, họ xin hẹn đến kiếp sau. Qua đó, tác giả đã nhấn mạnh: “*Không biết họ đã hiểu tự bao giờ cái thuyết luân hồi của nhà Phật?*”.

Tác giả còn cho thấy người dân Việt Nam hầu như đã thấm nhuần đức từ bi và rõ thấu thuyết nhân quả – nghiệp báo của nhà Phật, nên họ thường răn bảo con cái phải biết thương yêu muôn loài, đồng thời nhắc nhở: “*Bây đừng phung phí làm đổ cơm nước bậy bạ mà sau phải làm vịt, làm trùng để đi lượm lại những hạt cơm đã đổ tháo*”. Họ thường dọa con: “*Bây đừng ác với chó mèo mà sau thành chó mèo bị họ đánh đập cho chết*”. Cuối cùng, Võ Văn Cường nhận định: “*Sự liên lạc giữa Phật giáo và tâm hồn dân tộc Việt Nam đã chặt chẽ lắm rồi. Chặt chẽ vì nó hợp với thiên lý, vì đã mấy mươi đời, ông cha chúng ta đã di truyền vào trong cốt tủy... Những thuyết luân hồi, nhân quả, bình đẳng, từ bi, chúng ta đã áp dụng vào đời sống một cách tự nhiên, tuy không đến triệt để*”.

Nhìn chung, điểm qua một số nét về quá trình truyền bá Phật học mà báo chí Phật giáo giai đoạn trước 1945 đã thể hiện, cho ta thấy rõ tính đại chúng tiêu biểu của Phật giáo giai đoạn này như sau:

– Tính phổ cập: Báo chí Phật giáo đã truyền bá nhiều bài giáo lý phổ thông, mang lợi ích thiết thực cho con người, nên hầu như đều được quần chúng đón nhận và thực hành ngay trong cuộc sống trên các lĩnh vực.

- Tính tuyên truyền: Báo chí Phật giáo đã cổ động, kêu gọi, thức tỉnh được lòng dân xóa bỏ mê tín dị đoan, hướng được tâm thức của người dân sống theo con đường chân chính.

- Tính giáo dục: Báo chí Phật giáo đã tác động, truyền bá những tư tưởng đạo đức nhằm giáo dục nhân cách sống cho muôn dân.

Như vậy cũng đủ cho chúng ta thấy rằng Phật giáo luôn hòa nhập với đời sống nhân dân, được quần chúng nồng nhiệt đón nhận, thực hiện đúng đắn và đã mang lại nhiều thành quả tốt đẹp cho đời sống nhân sinh. Có thể mượn lời của Xuân Thanh đã viết trong Viên âm số 6 năm 1935 về đề tài Một nhà chơn chính học Phật là một nhà đại lao động giữa xã hội để kết luận: *“Kinh Pháp Hoa có nói: “Trong thế gian, dầu việc ăn làm, khoa ngôn ngữ, chính trị đều là Phật pháp cả”. Như vậy, thì đủ biết Phật pháp không ngoài thế gian mà chính ở trong thế gian vậy”*.

Thay lời kết

Báo chí Phật giáo trước 1945 cho chúng ta thấy sự gắn bó giữa Phật giáo với dân tộc và với đại chúng qua lối truyền bá phổ thông, gần gũi. Những giá trị Phật học lúc bấy giờ vừa mang ý nghĩa giáo dục, vừa hun đúc tinh thần văn hóa dân tộc, yêu quê hương đất nước. Hơn nữa, những bài Phật học căn bản về triết lý đạo đức và cả những bài viết với nội dung tranh luận về linh hồn, Cực lạc... trên báo chí lúc bấy giờ, nhìn chung đều là những bài văn nghị luận với nghệ thuật diễn tả khá sắc sảo, lối hùng biện đanh thép. Cho nên có thể nói những tác phẩm Phật học vừa mang giá trị Phật học, vừa có giá trị văn học.

Báo chí Phật giáo lúc bấy giờ đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu, học hỏi Phật pháp cho mọi tầng lớp độc giả và đóng góp công sức không nhỏ cho con đường hoàng dương chánh pháp đầu thế kỷ XX. Ngay trong cuộc sống hiện tại, con người có thể ứng dụng giáo lý Phật giáo nhằm xây dựng đời sống văn hóa, kinh tế, chính trị... ngày càng tốt đẹp hơn. Nói chung, Phật học trên báo chí Phật giáo trước 1945 đã mở ra cho quần chúng sự hiểu biết căn bản về đạo lý sống theo giáo lý Phật giáo, chuyển hóa được tầm nhìn của tín đồ từ mê tín thành chánh tín. Vì vậy, có thể khẳng định Phật học giai đoạn này là chiếc cầu nối giữa văn hóa truyền thống và đạo lý chân chính, góp phần ổn định xã hội và đấu tranh vì hòa bình độc lập của cả dân tộc.

Tác giả: **SC Thích Nữ Chúc Hiếu*** ***

Chú thích: * Tiến sĩ Ngữ văn. [1], [2] Thích Như Niệm (2009), Di cảo của nhà sư Thiệu Chiếu, Nxb Khoa học Xã hội, tr.31-32. Nguồn link: <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/10033>